TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 123/2023/HNGĐ-ST Ngày: 19 - 6 - 2023 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hoàng Giang.

2. Bà Trần Thị Hoài Yên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Tính - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2023/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2023, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 287/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thu E, sinh năm 1981 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp TQ B, xã NVK, huyện PT, tỉnh CM.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Việt L, sinh năm 1976 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp TQ B, xã NVK, huyện PT, tỉnh CM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/4/2023 cùng các văn bản khác kèm theo, nguyên đơn là bà Trương Thu E trình bày:

Về hôn nhân, vào năm 2000 bà và ông Phạm Việt L chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NVK, huyện PT, tỉnh CM ngày 01/01/2001. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường hay tranh cải. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, do không hòa hợp tính tình, không có tiếng nói chung. Tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nhận thấy hôn nhân không mang

lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên bà yêu cầu ly hôn với ông Phạm Việt L. Về con chung có 02 người tên là Phạm Việt K (giới tính nam), sinh ngày 19/7/2002 và Phạm Phương N (giới tính nữ), sinh ngày 13/3/2006. Hiện Phạm Việt K đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Phạm Phương N, bà không yêu cầu ông Phạm Việt L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn yêu cầu xin vắng mặt ngày 11/5/2023, bị đơn là ông Phạm Việt L trình bày: Ông (Phạm Việt L) thống nhất với lời trình bày của bà Trương Thu E về thời gian xác lập vợ chồng, việc có đăng ký kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng. Nay bà Trương Thu E yêu cầu ly hôn với ông, ông đồng ý ly hôn bà Trương Thu E. Về con chung có hai người tên là Phạm Việt K (giới tính nam), sinh ngày 19/7/2002 và Phạm Phương N (giới tính nữ), sinh ngày 13/3/2006. Hiện Phạm Việt K đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết. Bà Trương Thu E yêu cầu nuôi dưỡng Phạm Phương N, ông đồng ý giao Phạm Phương N cho bà Trương Thu E trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết. Đồng thời ông yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trương Thu E và ông Phạm Việt L. Giao con chung tên là Phạm Phương N (giới tính nữ), sinh ngày 13/3/2006 cho bà Trương Thu E trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trương Thu E về việc không yêu cầu ông Phạm Việt L cấp dưỡng nuôi con. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Trương Thu E phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về tố tụng:* Bà Trương Thu E yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Phạm Việt L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Trương Thu E và ông Phạm Việt L xin vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[2]. *Xét về hôn nhân:* Bà Trương Thu E và ông Phạm Việt L chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2000, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Việc kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa bà Trương Thu E và ông Phạm Việt L được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường hay tranh cải mà không thể tự hòa giải, hàn gắn. Nhận thấy hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên bà Trương Thu E yêu cầu ly hôn với ông Phạm Việt L. Ông Phạm Việt L đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Trương Thu E. Xét thấy, ông Phạm Việt L đồng ý ly hôn với bà

Trương Thu E nên có cơ sở ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trương Thu E và ông Phạm Việt L.

[3]. *Về con chung:* Có 02 người tên là Phạm Việt K (giới tính nam), sinh ngày 19/7/2002 và Phạm Phương N (giới tính nữ), sinh ngày 13/3/2006. Hiện Phạm Việt K đã thành niên, không yêu cầu giải quyết nên không đăt ra xem xét. Bà Trương Thu E yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng Phạm Phương N, không yêu cầu ông Phạm Việt L cấp dưỡng nuôi con. Ông Phạm Việt L đồng ý giao Phạm Phương N cho bà Trương Thu E trực tiếp nuôi dưỡng, ông Phạm Việt L không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc thỏa thuận nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con giữa bà Trương Thu E và ông Phạm Việt L là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc nên có cơ sở ghi nhận.

[4]. *Về tài sản chung:* Bà Trương Thu E và ông Phạm Việt L thống nhất xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5]. *Về nợ chung:* Bà Trương Thu E và ông Phạm Việt L thống nhất xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Trương Thu E phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 9, 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 cùng của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trương Thu E và ông Phạm Việt L.

2. Về con chung: Giao Phạm Phương N (giới tính nữ), sinh ngày 13/3/2006 cho bà Trương Thu E chịu trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi Phạm Phương N đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động sinh sống.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trương Thu E về việc không yêu cầu ông Phạm Việt L cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phạm Việt L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Trương Thu E phải chịu. Bà Trương Thu E đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng

án phí, lệ phí Tòa án số 0018870, ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Bình